TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11-7-2024
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Tuyết Trinh.

2. Bà Trần Thị Hồng Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Ngọc Triều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Phan Hoàng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXX-ST ngày 10 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đỗ Tùng L, sinh năm 1987; cư trú tại: Khu phố D, thị trấn T, huyện B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Quyền T, sinh năm 1988; nơi cư trú cuối cùng: Khu phố D, thị trấn T, huyện B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/4/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đỗ Tùng L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Quyền T bắt đầu chung sống với nhau từ năm 2017, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện B, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 70 ngày 16/7/2018. Quá trình chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn với anh và cha mẹ anh về vấn đề kinh tế, chị T chuyển ra ngoài thuê nhà trọ sinh sống. Anh đã tìm giải pháp hàn gắn và vợ chồng đoàn tụ chung sống với nhau được thời gian ngắn sau đó tiếp tục mâu thuẫn. Đến lần

thứ tư khoảng cuối năm 2019 thì chị T bỏ đi biệt tích đến nay. Anh đã đăng báo, đài tìm kiếm chị T nhưng vẫn không có tin tức. Ngày 20/3/2024, Tòa án nhân dân huyện Tân Biên đã tuyên bố chị T mất tích. Về hôn nhân, anh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Quyền T.

- Về con chung: Anh chị có một người con chung là cháu Đỗ Đức L, sinh ngày 17/8/2018 đang sống với chị T. Anh yêu cầu giao cháu L cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Quyền T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình và cung cấp lời khai đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, lập hồ sơ vụ án theo quy định; xác định đúng tư cách đương sự, người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp; xác minh thu thập tài liệu chứng cứ; tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định; thực hiện đúng thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đỗ Tùng L đối với chị Nguyễn Thị Quyền T.

Về con chung: Giao cháu Đỗ Đức L, sinh ngày 17/8/2018 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng; anh L không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đỗ Tùng L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Chị Nguyễn Thị Quyền T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh L, chị T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Tùng L, chị Nguyễn Thị Quyền T tự nguyện chung sống với nhau, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện B, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 70 ngày 16/7/2018. Xét thấy các bên có đủ điều kiện kết hôn, thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên việc xác lập quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị T là đúng quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu ly hôn của anh L nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án, chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh L và chị T thể hiện vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2019 đến nay. Chị T biệt tích tại địa phương, mặc dù đã thông báo, tìm kiếm nhưng không có tin tức xác thực, Tòa án nhân dân huyện Tân Biên đã tuyên bố chị T mất tích tại Quyết định số 02/2024/QĐST-DS ngày 20/3/2024. Xét thấy chị T và anh L không còn chung sống với nhau thời gian dài, vợ chồng không chăm sóc, giúp đỡ nhau, chia sẻ công việc trong gia đình. Nhận thấy lời trình bày của anh L phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L đối với chị T.

[3] Về con chung: Anh chị có một người con chung là cháu Đỗ Đức L, sinh ngày 17/8/2018. Xét thấy, hiện nay chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung; cháu L đã quen với điều kiện, môi trường sống và được chị T nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo điều kiện tốt nhất. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Đỗ Đức L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh L không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; anh L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Tùng L đối với chị Nguyễn Thị Quyền T về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Đỗ Tùng L với chị Nguyễn Thị Quyền T. Anh L và chị T không còn quyền, nghĩa vụ vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Đức L, sinh ngày 17/8/2018 cho chị Nguyễn Thị Quyền T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh L không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh Đỗ Tùng L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung; chị Nguyễn Thị Quyền T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh L không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đỗ Tùng L không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Anh Đỗ Tùng L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng anh L đã nộp theo biên lai thu số 0004925 ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; anh L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- CC THADS huyện Tân Biên;
- UBND thị trấn T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Hải